

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1835 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 9959
	Ngày: 29.10.2018
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 16 Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/10/2018 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C;

Xét đề nghị của UBND huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 27/9/2018 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô; kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 349/BC-SKHĐT ngày 11/10/2018 và của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 23/BC-HĐTD ngày 11/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô do UBND huyện Bình Sơn làm chủ đầu tư với các nội dung chính sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm góp phần chỉnh trang và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ, giải quyết ách tắc giao thông, cải thiện tình hình đi

lại, phát triển quỹ đất, nâng cao đời sống dân cư, đồng thời góp phần phần đầu tư đưa thị trấn Châu Ổ lên đô thị loại IV.

2. Quy mô đầu tư: Đầu tư tuyến đường dài khoảng 1.328m; mặt cắt ngang $B=(7,5+2 \times 4)m=15,5m$; mặt đường bê tông nhựa.

3. Nhóm dự án: Nhóm C trọng điểm.

4. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 69.000 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện 40%.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Bình Sơn.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Bình Sơn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; đồng thời, thực hiện kiến nghị của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư số 23/BC-HĐTĐ ngày 11/10/2018.

2. Các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm rà soát chặt chẽ quy mô, kinh phí, nâng cao hiệu quả đầu tư dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CNXD, CBTH;
- Lưu: VT, TH (Ts240).

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

Số: 1929/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư dự án năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 906a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 26/10/2018 về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 3454/SXD-ĐT&HT ngày 31/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô.
2. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Bình Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm góp phần chỉnh trang và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện lỵ, giải quyết ách tắc giao thông, cải thiện tình hình đi lại, phát triển quỹ đất, nâng cao đời sống dân cư, đồng thời góp phần phấn đấu đưa thị trấn Châu Ô lên đô thị loại IV.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 1.328m với các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Chi tiêu
I	Nền, mặt đường		
1	Loại đường	Loại	Đường phố gom
2	Tải trọng trục thiết kế	KN	100
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	50
4	Chiều dài tuyến	m	1328
5	Bề rộng nền đường	m	15,5
6	Bề rộng mặt đường	m	7,5
7	Bề rộng vỉa hè	m	4x2=8,0
8	Dốc ngang mặt đường	%	2
9	Dốc ngang vỉa hè	%	2
10	Kết cấu mặt đường		Cấp cao A1 ($E_{yc} = 120 \text{ MPa}$)
II	Công trình cầu		
1	Chiều dài cầu	m	18x2=36
2	Tải trọng thiết kế		
2.1	Tải trọng xe	Xe	HL93
2.2	Tải trọng người đi bộ	MPa	0,003
3	Tần suất thiết kế	%	1
4	Khổ cầu	m	2,25 + 7,5 + 2,25 = 12,0
III	An toàn giao thông		QCVN 41-2016

b) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác gồm: Hệ thống thoát nước mưa, Thoát nước thải, Vỉa hè + Cây xanh, Điện chiếu sáng và Cấp nước.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

6. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: KS. Nguyễn Hoàng Thái.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: Công trình theo tuyến, diện tích sử dụng đất khoảng 25.600 m².

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng:

11.1. Đường giao thông:

a) Nền, mặt đường:

- Bình đồ, trắc dọc: Tuyến được thiết kế hoàn toàn mới, đảm bảo tuân theo hướng tuyến quy hoạch được duyệt về cao độ, tọa độ các điểm, các nút giao thông.

- Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế theo đúng quy hoạch được duyệt với quy mô nền đường, mặt đường và độ dốc theo nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

- Nền đường: Nền đường đắp thông thường và đào khuôn. Nền đường đắp từng lớp bằng đất đồi, lu lèn K $\geq 0,95$ sau khi bóc hữu cơ, sức chịu tải CBR ≥ 5 , riêng 50cm trên cùng lu lèn K $\geq 0,98$, sức chịu tải CBR ≥ 8 ; Nền đào dùng máy ủi và tổ hợp máy ủi, máy đào, ô tô đào nền đường đúng cao trình thiết kế, lu lèn chặt K $\geq 0,95$ trước khi đắp 50cm trên cùng lu lèn K $\geq 0,98$.

- Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp BTNC 12,5 dày 4cm, lớp BTNC 19 dày 5cm, lớp cấp phối đá dăm loại I D_{max} = 25mm dày 15cm, lớp cấp phối đá dăm loại II D_{max} = 37,5mm dày 15cm.

b) Bó vỉa: Bó vỉa bằng bê tông M300; cao 12 cm so với mặt đường.

c) Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông cùng mức, bán kính đường cong tại nút tuân theo bán kính quy hoạch được duyệt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.

d) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

e) Công trình cầu:

- Sơ đồ nhịp: Nhịp giản đơn (18x2)m.

- Kết cấu nhịp: Thiết kế cầu dầm bản BTCT DUL, chiều cao dầm h_d=0,65m, chiều dài dầm L_d = 18m; Mặt cắt ngang gồm 12 phiến dầm BTCT DUL 40Mpa đặt cách nhau 1m. Bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 30Mpa. Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa chặt BTNC 12,5 dày 7cm, lớp phòng nước dạng phun. Gờ lan can và lề bộ hành bằng BTCT 25MPa đổ tại chỗ, trên lát đá Granite. Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Khe co giãn tại hai mô bằng khe thép răng lược. Gối cầu bằng cao su lõi thép. Ống thoát nước bằng thép D110. Bản dẫn 2 đầu cầu bằng BTCT 25MPa.

- Mố tường dạng chữ U bằng BTCT 30MPa, trụ đặc dạng thân cột bằng BTCT 30MPa; Móng mố, trụ là móng cọc đóng KT(40x40)cm; Nón mố, taluy đường đầu cầu, chân khay bằng bê tông 12Mpa.

11.2. Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Thoát nước mưa:

Thiết kế nằm dưới vỉa hè dọc hai bên tuyến đường giao thông và tại các vị trí chờ đầu nổi tại các nút giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn đường kính từ $\varnothing(600-1500)$ mm, cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-X60, nối cống bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa. Nước mưa được thu gom và thoát về kênh hiện trạng theo quy hoạch đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến trung bình $i = (0,1-0,6)\%$. Giếng thăm bằng bê tông đá 1x2 M200 đối với các vị trí nằm trên vỉa hè và bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200) đối với các vị trí nằm dưới đường, đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình. Hồ thu bằng bê tông đá 1x2 M250 đáy song chắn rác bằng gang.

b) Thoát nước thải:

Thiết kế nằm dưới vỉa hè dọc bên trái tuyến đường giao thông và tại các vị trí chờ đầu nổi tại các nút giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn có đường kính từ $\varnothing(200-300)$ mm; cống $\varnothing 200$ bằng HDPE, cống $\varnothing 300$ bằng BTCT (cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-X60); nối cống BTCT bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa, nối cống HDPE bằng gioăng cao su. Nước thải được thu gom và chờ đầu nổi theo quy hoạch đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến trung bình $i=(0,033-0,05)\%$. Giếng thăm bằng bê tông đá 1x2 M200 đối với các vị trí nằm trên vỉa hè có chiều sâu giếng <2 m, bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200) đối với các vị trí nằm trên vỉa hè, có chiều sâu giếng ≥ 2 m và nằm dưới đường; đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình.

c) Vỉa hè + Cây xanh:

- Vỉa hè thiết kế dọc hai bên các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vỉa hè lát gạch terrazzo 400x400x30 trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5cm. Vỉa hè dốc ngang về phía đường giao thông với độ dốc bằng 2%.

- Cây xanh trồng dọc một bên tuyến đường. Kích thước bồn (1,0x1,0)m, thành bồn bằng bê tông đá 1x2 M200, mặt bồn cây lát đá granit. Cây xanh trồng cây Móng Bò Tím với khoảng cách trung bình (6-10)m.

d) Điện chiếu sáng:

Thiết kế nằm trên vỉa hè dọc một bên tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt và hướng tuyến theo Công văn số 6649a/UBND-CN XD ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn điện được đầu nối từ lưới hạ thế trong khu vực thuộc TBA Châu Ô 3. Tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dọc

theo vỉa hè, trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cần đèn đơn rời cao 8m (trong đó: Trụ cần đèn đơn (số lượng 31 bộ), trụ cần đèn đôi (08 bộ)), đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W. Dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x6)mm², chiều dài tuyến đường dây ngầm khoảng 1.400m.

e) Cấp nước:

Thiết kế nằm dưới vỉa hè dọc hai bên tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đường ống chính sử dụng ống HDPE D150/160 - PN10, các đường ống thứ cấp và đường ống nhánh sử dụng ống HDPE D100/110 - PN10 và D50/63 - PN12,5. Tổng chiều dài đường ống cấp nước khoảng 4.180m (trong đó: Ống D150/160 - 1.480m, ống D100/110 - 165m, ống D50/63: 2.530m).

12. Thiết kế công nghệ: Công trình không yêu cầu thiết kế công nghệ.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo phương án bồi thường tổng thể do chủ đầu tư lập.

14. Tổng mức đầu tư của dự án: **69.000.000.000 đồng.**
(Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	40.174.301.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	856.262.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.978.517.000 đồng.
- Chi phí khác:	2.542.644.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	15.000.000.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	7.448.276.000 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện 40%.

16. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Sơn.

17. Thời gian thực hiện dự án: 2019-2021.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

1. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3454/SXD-ĐT&HT ngày 31/10/2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.194.



Trần Ngọc Căng

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TÂY BẮC THỊ TRẤN CHÂU Ô
ĐỊA ĐIỂM XD: TT CHÂU Ô - HUYỆN BÌNH SƠN - TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Tạm tính	15,000,000,000		15,000,000,000	G _{BT, TPC}
2	Chi phí xây dựng	Ga+Gb+Gc	36,522,091,435	3,652,209,143	40,174,301,000	G _{XD}
2.1	Đường giao thông	G1+...+G7	19,879,248,829	1,987,924,883	21,867,174,000	G _a
2.2	Nền đường		2,889,421,522	288,942,152	3,178,363,674	G ₁
2.3	Mặt đường		2,982,717,854	298,271,785	3,280,989,639	G ₂
2.4	Nứt giao thông		3,094,576,758	309,457,676	3,404,034,434	G ₃
2.5	Bố vỉa		784,139,250	78,413,925	862,553,175	G ₄
2.6	Công kỹ thuật	Kèm theo văn bản số:...../20..... Ngày...../...../20.....	357,655,069	35,765,507	393,420,576	G ₅
2.7	Thoát nước ngang	NGƯỜI THAM ĐỊNH	125,043,589	12,504,359	137,547,948	G ₆
2.8	Cầu L=36m		9,557,343,329	955,734,333	10,513,077,662	G ₇
b	An toàn giao thông		88,351,458	8,835,146	97,186,604	G ₈
2.9	Hệ thống kỹ thuật		16,642,842,606	1,664,284,261	18,307,127,000	G _b
2.10	Thoát nước mưa		8,161,762,331	816,176,233	8,977,938,564	G ₉
2.11	Thoát nước thải		2,229,322,477	222,932,248	2,452,254,725	G ₁₀
2.12	Via hè		2,049,001,277	204,900,128	2,253,901,405	G ₁₁
2.13	Cây xanh		719,271,263	71,927,126	791,198,389	G ₁₂
2.14	Cấp nước		2,181,947,862	218,194,786	2,400,142,648	G ₁₃
4	Điện chiếu sáng		1,301,537,397	130,153,740	1,431,691,137	G ₁₄
5	Chi phí quản lý dự án		856,261,948		856,262,000	G _{ODA}
5.1	Chi phí vấn đầu tư xây dựng	TV1+...+TVn	2,707,742,859	270,774,286	2,978,517,000	G _{TV}
5.2	Chi phí khảo sát bước lập BCNCKT	Theo nhiệm vụ khảo sát	219,771,818	21,977,182	241,749,000	TV1
5.3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Theo nhiệm vụ khảo sát	6,592,727	659,273	7,252,000	TV2
5.4	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn BCNCKT	TV1*4.072%*1.1	8,949,108	894,911	9,844,019	TV3
	Chi phí lập BCNCKT	Gxd/1.1*0.558%*1.1	203,813,898	20,381,390	224,195,288	TV4

5.5	Chi phí khảo sát bước TKBVTC	Tạm tính	81,603,636	8,160,364	89,764,000	TV5
5.6	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công	TV5.1+...+TV5.2	626,686,325	62,668,632	689,354,957	TV6
	Giao thông	Ga/1.1*1.371%*1.1	272,609,761	27,260,976	299,870,737	TV6.1
	Hạ tầng kỹ thuật	Gb/1.1*2.128%*1.1	354,076,564	35,407,656	389,484,220	TV6.2
5.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV6.1+...+TV6.2	930,730,199	93,073,020	1,023,803,219	TV7
	Giao thông	Ga/1.1*2.706%*1.1	537,947,148	53,794,715	591,741,863	TV7.1
	Hạ tầng kỹ thuật	Gb/1.1*2.360%*1.1	392,783,051	39,278,305	432,061,356	TV7.2
5.8	Chi phí thẩm tra TKBVTC	TV5.1+...+TV5.2	59,300,211	5,930,021	65,230,232	TV8
	Giao thông	Ga/1.1*0.147%*1.1	29,277,706	2,927,771	32,205,477	TV8.1
	Hạ tầng kỹ thuật	Gb/1.1*0.180%*1.1	30,022,505	3,002,251	33,024,756	TV8.2
5.9	Chi phí thẩm tra dự toán	Ngày: 12/05/2011 NGƯỜI THẨM ĐỊNH: V6.1+...+TV6.2	57,310,079	5,731,008	63,041,087	TV9
	Giao thông	Ga/1.1*0.142%*1.1	28,286,144	2,828,614	31,114,758	TV9.1
	Hạ tầng kỹ thuật	Gb/1.1*0.174%*1.1	29,023,935	2,902,393	31,926,328	TV9.2
5.10	Chi phí lập HSMCT xây lắp	Gx/1.1*0.19%*1.1*0.45	31,166,675	3,116,668	34,283,343	TV10
5.11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	Tạm tính	227,272,727	22,727,273	250,000,000	TV11
5.12	Chi phí trích đo bản đồ địa chính	Tạm tính	227,272,727	22,727,273	250,000,000	TV12
5.13	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	27,272,727	2,727,273	30,000,000	TV13
6	Chi phí khác	CK1+...+CKn	2,334,358,819	208,285,514	2,542,644,000	G _k
6.1	Chi phí thẩm định BCNCKT	Vm*0.014%	9,694,500		9,694,500	CK1
6.2	Chi phí bảo hiểm công trình	Gx/1.1*0.300%*1.1	109,566,275	10,956,628	120,522,903	CK2
6.3	Chi phí lập HSMCT TV	CK3.1+...+CK3.3	2,000,000		2,000,000	CK3
	Gói thầu tư vấn KS, lập TKBV - TC (tối thiểu)	(TV3+TV4)/1.1*0.100%	1,000,000		1,000,000	CK3.2
	Gói thầu tư vấn giám sát TCXDCT (tối thiểu)	TV6/1.1*0.100%	1,000,000		1,000,000	CK3.3
6.4	Chi phí thẩm định HSMCT	CK3.1+...+CK3.3	20,261,046		20,261,046	CK4
	Gói thầu thi công xây dựng	Gx/1.1*0.050%	18,261,046		18,261,046	CK4.1
	Gói thầu tư vấn KS, lập TKBV - TC (tối thiểu)	(TV3+TV4)/1.1*0.050%	1,000,000		1,000,000	CK4.2
	Gói thầu tư vấn giám sát TCXDCT (tối thiểu)	TV6/1.1*0.050%	1,000,000		1,000,000	CK4.3
6.5	Chi phí đánh giá HSDT	CK4.1+...+CK4.3	38,522,091		38,522,091	CK5
	Gói thầu thi công xây dựng	Gx/1.1*0.100%	36,522,091		36,522,091	CK5.1
	Gói thầu tư vấn KS, lập TKBV - TC (tối thiểu)	(TV3+TV4)/1.1*0.100%	1,000,000		1,000,000	CK5.2
	Gói thầu tư vấn giám sát TCXDCT (tối thiểu)	TV6/1.1*0.100%	1,000,000		1,000,000	CK5.3
6.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	CK5.1+...+CK5.3	20,261,046		20,261,046	CK6

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1964 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII kỳ họp thứ 7 về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ các Quyết định: số 1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 và số 381/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ thể người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tiếp nhận từ cấp huyện trước đây (đợt 01);

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 331/TTr-BQL ngày 01/12/2025 và đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 3824/SXD-HĐXD ngày 16/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ, cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh
Thời gian thực hiện dự án	Năm 2019-2025	Năm 2019-2026

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy hiệu quả.

b) Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 3824/SXD-HĐXD ngày 16/12/2025.

2. Sở Xây dựng chịu hoàn toàn trách nhiệm tính pháp lý của nội dung đề xuất, tham mưu UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh. Các nội dung khác tại các Quyết định: số 1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018, số 381/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 và số 1014/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XV; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND xã Bình Sơn và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH;
- Lưu: VT, CNXD.lqv866

[Signature]



Nguyễn Công Hoàng

